

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2017; đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2017, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trần Thị Lệ L trình bày: Ngày 22 tháng 11 năm 2016 (Âm lịch) vợ chồng nguyên đơn có cho bà Đỗ Thị T vay (mượn) 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, mục đích vay (mượn) về để lo công việc gia đình, thời hạn vay khi nào nguyên đơn cần bà T sẽ trả nợ. Sau khi vay nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà T chỉ trả 5.000.000 đồng nợ gốc, chưa trả nợ lãi. Vì bà T vay tiền để sử dụng phục vụ kinh tế chung cho vợ chồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Văn C trả cho nguyên đơn 25.000.000 đồng nợ gốc, không yêu cầu trả lãi.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H công nhận lời trình bày trên của vợ ông tên Trần Thị Lệ L là đúng, những ý kiến và yêu cầu của vợ ông cũng là những yêu cầu của ông nên ông không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 11/01/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đỗ Thị T trình bày: Ngày 22 tháng 11 năm 2016 (Âm lịch) bị đơn có viết giấy vay (mượn) tiền của bà Trần Thị Lệ L 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, mục đích vay (mượn) về để lo công việc gia đình. Sau khi vay bị đơn đã trả cho bà L 05 triệu đồng tiền gốc. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà L thì bị đơn đồng ý trả 20.000.000 đồng, xin bà L, ông H 5.000.000 đồng và hẹn trong thời gian 05 tháng sẽ trả đủ số tiền trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà L vì bà T (vợ của ông) vay tiền của ông H, bà L để làm gì ông không biết nên ông không đồng ý trả nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tại phiên tòa: Về chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong thời gian giải quyết vụ án, vi phạm vào các Điều 70, 72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Đỗ Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông C.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều công nhận ngày 22/11/2016 (Âm lịch) bà Đỗ Thị T trực tiếp vay (mượn) bà Trần Thị Lệ L số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng; mục đích vay về để lo công việc gia đình, bị đơn đã nhận đủ tiền vay. Sau khi vay bị đơn chưa trả tiền lãi cho nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn giao nộp cho Tòa án một đĩa CD kèm theo đơn trình bày về nội dung đĩa ghi âm, ghi hình cho rằng bị đơn đã trả cho nguyên đơn 5.000.000 đồng tiền gốc, nguyên đơn cũng công nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn 5.000.000 đồng tiền gốc đúng như trình bày của bị đơn. Tại biên bản hòa giải ngày 05/6/2018 nguyên đơn và bị đơn cũng đều công nhận hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn 25.000.000 đồng. Như vậy, việc bà Đỗ Thị T có vay của ông Nguyễn Thanh H, bà Trần Thị Lệ L 30.000.000 đồng và bà T đã trả cho ông H, bà L 5.000.000 đồng tiền nợ gốc, chưa trả nợ lãi là có thật.

[2.2] Ông Nguyễn Văn C cho rằng ông không biết việc bà T (vợ ông) vay tiền của bà L, ông H nên ông không đồng ý cùng vợ trả nợ; Hội đồng xét xử thấy rằng trong giấy mượn tiền ngày ngày 22/11/2016 (Âm lịch) và bản tự khai ngày 11/01/2018 (bút lục số 51), bà T đều ghi mục đích vay tiền là “*về để lo công việc gia đình*”. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo ông C đến Tòa án để làm việc, đối chất, hòa giải nhưng ông C không đến tòa không có lý do.

Từ những nhận định nêu trên có đủ cơ sở xác định khoản nợ mà bà T vay của vợ chồng bà L, ông H là nợ chung của vợ chồng bà T và ông C nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu trả lãi, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Thanh H, bà Trần Thị Lệ L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn C và bà Đỗ Thị T cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông Nguyễn Thanh H, bà Trần Thị Lệ L là $25.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.250.000 \text{ đồng}$.

[5] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 21, khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 471, 474, khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 (tương ứng với các Điều 463, 466, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ L, ông Nguyễn Thanh H. Buộc bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Văn C cùng có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Lệ L và ông Nguyễn Thanh H số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C và bà Đỗ Thị T cùng phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Bà Trần Thị Lệ L và ông Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà L, ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng (bảy trăm mười lăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2014/0003905 ngày 08/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Thanh H, bà Trần Thị Lệ L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Văn C; bà Đỗ Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Đức Phổ;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Đức